

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/DS-ST
Ngày: 05/01/2023
V/v tranh chấp “Hợp đồng vay
tài sản”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Tuyết Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Lê Thị Ngọc Ánh

2/ Ông Nguyễn Hoa Kiều

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thơ - thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo: Ông Đỗ Huỳnh Thanh Tân – kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 313/2022/TLST-DS ngày 19 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 222/2022/QĐXX-ST ngày 09 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 290/2022/QĐST – DS ngày 26 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Nguyễn Thị Ngọc B**, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Số 37, P, ấp M, xã MP, TP.M, TG.

Đại diện ủy quyền: **Lê Thị Bội T** – sinh năm 1988;

Địa chỉ: ấp 3, xã N, TP BT, tỉnh BT.

*** Bị đơn:**

1/Lê Thanh K, sinh năm 1982;

2/Trần Tăng Minh N, sinh năm 1981;

Cùng địa chỉ: ấp T, xã T1, CG, TG.

Có mặt: chị T;

Vắng mặt: anh K, chị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cũng như đại diện ủy quyền nguyên đơn chị Lê Thị Bội T trình bày:**

Chị B khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay với anh K chị N. Theo đó, thông qua quen biết nên vợ chồng anh K chị N có vay của chị B nhiều lần tiền, cụ thể:

+ Ngày 03/02/2020 vay số tiền 40.000.000 đồng. Chị B đưa tiền mặt, chị N nhận đủ số tiền và chị N viết biên nhận cho chị B.

+ Ngày 21/3/2020 vay số tiền 40.000.000 đồng. Chị B đưa tiền mặt, chị N nhận đủ số tiền và chị N viết biên nhận cho chị B

+ Ngày 26/6/2020 vay số tiền 30.000.000 đồng. Chị B đưa tiền mặt, chị N nhận đủ số tiền và chị N viết biên nhận cho chị B.

+ Ngày 20/7/2020 vay số tiền 80.000.000 đồng. Chị B đưa tiền mặt, anh K nhận đủ số tiền và anh K viết biên nhận cho chị B

+ Ngày 12/8/2020 vay số tiền 50.000.000 đồng. Chị B chuyển khoản cho chị N. Số tài khoản chị N là 070081264242 của Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín (Sacombank).

Tổng cộng anh K chị N vay của chị B số tiền là 240.000.000 đồng, thỏa thuận miệng lãi suất 3%/tháng và thời hạn vay thỏa thuận miệng đến tháng 01/2021 sẽ thanh toán hết số nợ trên.

Để đảm bảo các khoản vay của vợ chồng, anh K có thể chấp cho chị B bản chính 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô tải mang biển kiểm soát 63C-139.60 do anh Lê Thanh K đứng tên và 01 Bản pho to Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ đối với phương tiện ô tô tải mang biển đăng ký 63C-139.60 để làm tin.

Quá tình thực hiện hợp đồng vợ chồng anh K chị N có đóng lãi tuy nhiên với số tiền lãi cụ thể bao nhiêu thì chị B không nhớ. Đến hạn thanh toán tháng 01/2021 vợ chồng anh K chị N ngưng đóng lãi cũng như không thanh toán tiền vốn cho chị B, chị B đã nhiều lần liên hệ yêu cầu anh K chị N trả nợ nhưng anh chị cố tình né tránh không thực hiện nên phát sinh tranh chấp. Do đó, nay chị B yêu cầu:

1/ Buộc anh Lê Thanh K và chị Trần Tăng Minh N liên đới giao trả cho chị B số tiền vốn vay là 240.000.000 đồng.

2/ Buộc anh chị trả lãi với lãi suất 0,83%/tháng trên số tiền 240.000.000 đồng tính từ ngày 01/01/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm. Tạm tính đến ngày nộp đơn khởi kiện là $20 \text{ tháng} \times 0,83\% \times 240.000.000 \text{ đồng} = 39.840.000 \text{ đồng}$.

Yêu cầu trả khi án có hiệu lực pháp luật.

3/ Chị B tự nguyện giao trả lại bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô tải và bản pho to Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ đối với phương tiện ô tô tải mang biển số 63C-139.60 cho anh K ngay sau khi vợ chồng anh K chị N thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

*** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Lê Thanh K và Trần Tăng Minh N mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến gửi cho Tòa.**

*** Tại phiên tòa, đại diện ủy quyền của nguyên đơn chị Lê Thị Bội T trình bày:** Chị B vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Chị B yêu cầu anh K chị N liên đới trả cho chị B số tiền vốn vay là 240.000.000 đồng. Yêu cầu anh K chị N trả lãi với lãi suất 0,83%/tháng trên số tiền 240.000.000 đồng tính từ ngày 01/01/2021 đến ngày 01/01/2023 (tính chẵn 24 tháng) tương đương số tiền: 240.000.000 đồng x 24 tháng x 0.83% = 47.808.000 đồng. Yêu cầu trả vốn và lãi khi án có hiệu lực pháp luật. Chị B tự nguyện giao trả lại bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô tải và bản pho to Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ đối với phương tiện ô tô tải mang biển số 63C-139.60 cho anh K.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo phát biểu quan điểm:**

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng quy định pháp luật.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc B. Buộc anh K chị N có trách nhiệm liên đới trả cho chị B số tiền vốn 240.000.000 đồng và lãi suất 0.83% tháng tính từ ngày 01/01/2021 đến ngày xét xử, yêu cầu trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị B khởi kiện yêu cầu anh K chị N trả cho chị số tiền vay là 240.000.000 đồng, do đó Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015. Do anh K chị N có hộ khẩu thường trú tại: ấp Tân Phú 2, xã Tân Thuận Bình, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang nên căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

[2] Đối với yêu cầu khởi kiện của chị B, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về số tiền vốn: Chị B yêu cầu anh K chị N trả cho chị số tiền vốn vay 240.000.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình chị B đã cung cấp 04 biên nhận nợ và 01 Bản sao kê chuyển khoản ngân hàng. Hội đồng xét xử xét thấy: Đối với biên nhận nợ ngày 03/02/2020 thể hiện chị N vay của chị B số tiền 40.000.000 đồng, do chị N viết và ký tên. Đối với biên nhận nợ ngày 21/3/2020, thể hiện chị N vay số tiền 40.000.000 đồng, chị N viết và ký tên. Đối với biên nhận nợ ngày 26/6/2020, thể hiện chị N có vay của chị B 30.000.000 đồng, chị N viết và ký tên. Đối với biên nhận nợ ngày 20/7/2020 anh K vay của chị B số tiền 80.000.000 đồng, do anh

K viết và ký tên, theo biên nhận này anh K ghi “...có mượn của chị B 80.000.000 ...” và theo xác nhận ngày 26/11/2022 của chính quyền địa phương xã M, TP MT, tỉnh TG thì chị B có tên thường gọi là chị “B”. Cả bốn biên nhận thể hiện không có thời hạn, không thỏa thuận lãi suất. Ngày 12/8/2020 chị N vay chị B số tiền 50.000.000 đồng theo hình thức chuyển khoản, qua bản sao kê được thực hiện tại Ngân hàng Vietcombank ngày 15/9/2022 và Công văn trả lời số 64/2022/CV-CG ngày 01/12/2022 của ngân hàng Sacombank – phòng giao dịch Chợ Gạo thì thể hiện ngày 12/8/2020 chị Nguyễn Thị Ngọc B là chủ tài khoản 0671004132183 mở tại Ngân hàng Vietcombank có chuyển cho chị Trần Tăng Minh N là chủ tài khoản 070081264242 mở tại Ngân hàng Sacombank – phòng giao dịch Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang số tiền 50.000.000 đồng. Đối với chị N và anh K mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do và cũng không gửi ý kiến cho Tòa án thì căn cứ vào khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì xem như anh K, chị N đã từ bỏ quyền chứng minh của mình. Do đó yêu cầu khởi kiện của chị B là có căn cứ và được chấp nhận.

[2.2] Về số tiền lãi: Biên nhận nợ ngày 03/02/2020, biên nhận nợ ngày 21/3/2020, biên nhận nợ ngày 26/6/2020, biên nhận nợ ngày 20/7/2020, bản sao kê của ngân hàng ngày 12/8/2020, không thỏa thuận lãi suất, không thỏa thuận thời hạn trả nhưng chị B trình bày có thỏa thuận miệng lãi suất 3%, thời hạn vay đến ngày 01/01/2021 nên yêu cầu tính lãi 0.83%/01 tháng tính từ ngày 01/ 01/2021. Hội đồng xét xử xét thấy thời hạn tính lãi tính từ ngày 01/01/2021 và mức lãi suất 0,83%/01 tháng là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận yêu cầu tính lãi của chị B tính từ ngày 01/01/2021 đến ngày xét xử, tính chẵn 24 tháng tương đương số tiền: $240.000.000 \text{ đồng} \times 24 \text{ tháng} \times 0,83\% = 47.808.000 \text{ đồng}$.

[2.3] Về trách nhiệm liên đới trả nợ: Anh K, chị N là vợ chồng, chị N anh K thay nhau vay tiền của chị B, các giao dịch liên quan đến việc vay tiền phát sinh trong thời gian anh K chị N là vợ chồng và cũng như chị B trình bày thì anh K chị N vay tiền nhằm mục đích phục vụ cho nhu cầu cuộc sống gia đình nên chị B yêu cầu anh K chị N có trách nhiệm liên đới trả nợ là hoàn toàn có căn cứ.

Từ những phân tích trên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị B, anh K chị N có nghĩa vụ trả cho chị B số tiền cả vốn và lãi là 287.808.000 đồng, thời hạn trả khi án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Khi anh K vay tiền của chị B thì anh K có thể chấp cho chị B bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô tải và bản pho to Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ đối với phương tiện ô tô tải mang biển số 63C-139.60. Chị B tự nguyện trả lại cho anh K nên được hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về thời hiệu khởi kiện: Do các bên không có ai yêu cầu về thời hiệu khởi kiện nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 không xem xét về thời hiệu khởi kiện.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của chị B được chấp nhận nên anh K chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về nội dung giải quyết vụ án phù hợp với nhận định trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng Điều 463; Điều 357; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc B

Buộc anh Lê Thanh K và chị Trần Tăng Minh N có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Ngọc B số tiền cả vốn và lãi là 287.808.000 đồng, trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị B có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh K chị N chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của chị B về việc trả cho anh K chị N bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô tải mang biển số 63C-139.60 do Công an tỉnh Tiền Giang cấp cho anh Lê Thanh K vào tháng 06 năm 2019 và bản pho to Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ đối với phương tiện ô tô tải mang biển số 63C-139.60.

3. Về án phí: Anh Lê Thanh K và chị Trần Tăng Minh N chịu 14.390.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho chị Nguyễn Thị Ngọc B số tiền 6.996.000 đồng theo biên lai thu số 0025164 ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

4. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng đối với đương sự vắng mặt thời hạn trên tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

Đỗ Thị Tuyết Hạnh